TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN E** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 05-2025.
"V/v: Kiện tranh chấp
về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E, TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Nguyễn Văn Độ và ông Trần Hữu Linh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Toà án nhân dân huyện E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Hai - Kiểm sát viên.

Ngày 05/05/2025 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2025/TLST-HNGĐ, ngày 13/02/2025 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01/04/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST - HNGĐ ngày 18/04/2025 của Tòa án nhân dân huyện E, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chung Thị Th - sinh năm 1982; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk - vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lương Văn H - sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện E, tỉnh Đăk Lăk. Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Chung Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Th và ông Lương Văn H tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

Thời gian về chung sống với nhau hạnh phúc khoảng một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên nhậu nhẹt, chửi bới, đuổi bà Th ra khỏi nhà.Bà Th đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông H không thay đổi. Đến nay, bà Th cảm thấy không chịu đựng được nữa nên bà Th yêu cầu tòa án giải quyết cho bà Chung Thị Th ly hôn với ông Lương Văn H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Th và ông H có 02 con chung là: Lương Văn GI - Sinh ngày 02/05/2009 và Lương Ngọc A - Sinh ngày 10/10/2016.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Chung Thị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Bà Chung Thị Th không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung đúng như bà Chung Thị Th đã trình bày ở trên. Trong quá trình chung sống chúng ông H cảm thấy hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do vấn đề kinh tế. Theo ông H đó là mâu thuẫn nhỏ không đến mức ly hôn. Đến nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông H không đồng ý.

Về con chung: Ông H và bà Th có 02 con chung như bà Chung Thị Th trình bày ở trên. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, ông H không đồng ý ly hôn nên muốn cùng nhau trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai đề ngày 18/02/2025, các cháu Lương Ngọc A và Lương Văn GI đều có nguyện vọng ở với mẹ.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc bà Th khởi kiện yêu cầu ly hôn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị Th về việc ly hôn với ông Lương Văn H. Về con chung: đề nghị giao con chung là các cháu Lương Văn GI - Sinh ngày 02/05/2009 và Lương Ngọc A - Sinh ngày 10/10/2016 cho bà Chung Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Bà Chung Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung với ông Lương Văn H là "Kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện E theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Bà Chung Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Chung Thị Th và ông Lương Văn H tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Kh, huyện E, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 56, ngày 29/4/2008 trên cơ sở tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Th ly hôn với ông Lương Văn H. Ông H không đồng ý yêu cầu ly hôn của bà Th vì cho rằng mâu thuẫn giữa ông H và bà Th chưa đến mức phải ly hôn.

Theo biên bản xác minh tại địa phương: Giữa vợ chồng bà Chung Thị Th và ông Lương Văn H có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể là gì thì Ban tự quản không biết rõ được vì các bên không yêu cầu hòa giải.

Xét thấy, theo trình bày của bà Th, ông H và nội dung biên bản xác minh tại chính quyền địa phương, thì giữa bà Th và ông H có xảy ra mâu thuẫn. Theo bà Th trình bày, bà Th không thể tiếp tục chung sống với ông H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Chung Thị Th về yêu cầu ly hôn với ông Lương Văn H.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Chung Thị Th và ông Lương Văn H có 02 con chung là: Lương Văn GI - Sinh ngày 02/05/2009 và Lương Ngọc A - Sinh ngày 10/10/2016.

Bà Chung Thị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại các bản tự khai đề ngày 18/02/2024, các cháu Lương Văn GI và Lương Ngọc A đều có nguyện vọng ở với mẹ. Ông H không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung, chỉ đề nghị được cùng bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Chung Thị Th.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Ông H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ-ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên, nguyên đơn là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Chung Thị Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chung Thị Th.

- Về hôn nhân: Cho Bà Chung Thị Th được ly hôn với ông Lương Văn H.

- Về con chung: Giao các con chung Lương Văn GI - Sinh ngày 02/05/2009 và Lương Ngọc A - Sinh ngày 10/10/2016 cho bà Chung Thị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Lương Văn H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho bà Chung Thị Th.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được quy định theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- *Các đương sự;*
- *Viện KSND huyện E;*
- *Thi hành án DS huyện E;*
- *Toà án nhân dân tỉnh Đăk Lăk;*
- *UBND xã T, E;*
(số 56, ngày 29/4/2008 – kh);
- *Lưu hồ sơ, vi tính.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
Đã ký tên, đóng dấu

Nguyễn Thị Bích Thủy